TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Nguyễn Văn Khóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày19 tháng7 năm 2018 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý sốsố 10/2018/TLST-HNGĐngày 22/01/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 18/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 130 đường CL, phường NT, thành phố HD, tỉnh HD

Nơi cư trú hiện nay: 576 M, Cộng hòa S;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1964;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 130 đường CL, phường NT, thành phố HD, tỉnh HD.

Nơi cư trú khi xuất cảnh: 576 M, Cộng hòa S;

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 65, đường số 25, phường TQ, Quận 7, thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các bản khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bầy:*Về quan hệ hôn nhân, bà với ông Nguyễn Bá T tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào khoảng năm 1983-1984, đến ngày 18/11/1997 được UBND phường NT cấp lại giấy chứng nhận két hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Tkhông tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc rượu chè và có những quan hệ nam nữ bất

chính. Năm 1997, vợ chồng sang lao động tại Cộng hòa S, từ khi sang ông T vẫn cờ bạc nợ nần. Năm 2000, bà đã gửi đơn ly hôn lên TAND thành phố Hải Dương nhưng sau đó nghĩ lại bà không xin ly hôn nữa. Đến năm 2015, khi ông T về Việt Nam, ông không thay đổi mà còn sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác. Đến nay, bà thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Vợ chồng có hai con chung là anh Nguyễn Bá T1, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1985, hiện nay hai con đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết.

Vì lý do công việc, bà N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, mọi văn bản bà ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh C nhận rồi thông báo lại cho bà.

*Bị đơn là ông Nguyễn Bá T trình bầy:*Về điều kiện và thời gian kết hôn như bà N trình bầy là đúng. Sau ngày cưới, vợ chồng về sống riêng ở 130 CL, phường NT, thành phố HD. Vợ chồng có 02 con chung, lớn là Nguyễn Bá T1, sinh năm 1984, nhỏ là Nguyễn Bá H, sinh năm 1985. Hiện nay, hai con đã trưởng thành ăn, ở riêng. Theo ông, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng 2015-2016 thì phát sinh một số mâu thuẫn lặt vặt vì ông làm ăn, kinh doanh ở Bà Rịa - Vũng Tàu còn vợ ông ở Cộng hòa S. Do vợ chồng ở xa nhau, vợ ông lại có tính ghen tuông, nghi ngờ ông có quan hệ bên ngoài, nên nhiều lần về Việt Nam để kiểm tra và thăm dò ông. Từ đó, vợ chồng hầu như không quan tâm đến nhau vì mỗi người kinh doanh ở một lĩnh vực. Kể từ năm 2016, vợ chồng không ở chung và quan tâm gì đến nhau. Tuy nhiên đến nay, ông vẫn còn tình cảm với bà N, nên không nhất trí ly hôn. Ông thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nếu bà N cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn nhất trí ly hôn nhưng với điều kiện bà N phải có trách nhiệm trả khoản nợ 80.000 USD cho anh chị em ông.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàNguyễn Thị N, áp dụng điều51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS năm 2015 xử cho bà N được ly hôn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sựvà ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bà N, ông T có HKTT tại 130 đường CL, phường NT, TP HD, tỉnh HD. Tại thời điểm thụ lý vụ án, ông bà là người đang cư trú tại Cộng hòa S, sau đó ông T về Việt Nam làm ăn và có tạm trú tại số nhà 65, đường số 25, phường TQ, quận 7, TP HCM, ông T nhất trí để Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết yêu cầu ly hôn của bà N. Nên bà N xin ly hôn ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điều 37 BLTTDS. Tại phiên tòa bà N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:Bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Nguyễn Bá T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường NT, thành phố HD vào năm 1983, 1984 và đăng ký lại ngày 18/11/1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng có nhiều năm sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng nhau, ông T có quan hệ ngoại tình và hay chơi bời cờ bạc, bà N tham gia góp ý nhưng không được. Từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau, nhất là thời gian vợ chồng làm ăn tại Cộng hòa S, sau đó ông T về Việt Nam làm ăn thì tình cảm vợ chồng càng trở nên lạnh nhạt. Ông T xác định tình cảm vẫn còn nhưng nhất trí ly hôn nếu bà N trả hết nợ số tiền vay của anh chị em nhà ông T, điều đó chứng tỏ ông Tkhông nhất trí ly hôn không phải vì lý do vẫn còn tình cảm với bà N mà vì lý do trả nợ. Mặt khác, ông T cũng thừa nhận từ năm 2015-2016 vợ chồng có mâu thuẫn, ông có quan hệ ngoại tình, vợ chồng thường xuyên không quan tâm đến nhau và hiện tại mỗi người sống một nơi. Như vậy xác định tình trạng vợ chồng đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho bà N được ly hôn ông T, mới phù hợp với luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:Hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản: Tòa án đã tiến hành công khai toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông T không có đề nghị giải quyết vấn đề tài sản nhưng sau khi

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông T mới có yêu cầu. Tại phiên tòa, ông thừa nhận trước khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông không có yêu cầu chia tài sản nhưng sau đó do bà N chưa trả hết khoản nợ 80.000 đô như đã thỏa thuận nên ông mới có đơn yêu cầu chia tài sản trước ngày mở phiên tòa. Do đó, Tòa án không giải quyết yêu cầu chia tài sản và nếu ông T có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điều 37, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;Xử:

- Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Bá T;

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000đ,theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003166 ngày 19/1/2018của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho ông Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Chất